TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1022/2026/DS-PT
Ngày: 11-8-2026
Về việc "việc tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhẫn, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh, *Kiểm sát viên.*

Ngày 11 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 570/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 07 năm 2026 về việc "tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 524/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ I khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số A V, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ A ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Huỳnh Văn Â, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số A hẻm C, đường H, phường T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mai Q trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 06/11/2021 dương lịch, bà T có cho vợ chồng ông Đ, bà M vay 1.500.000.000 đồng nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Tiền lãi được thanh toán khi đến hạn trả nợ gốc, bà T không thu lãi trước. Thời hạn vay từ ngày 06/11/2021 đến ngày 25/11/2021 dương lịch. Khi vay, các bên có lập "Giấy mượn tiền đáo hạn ngân hàng" đề ngày 06/11/2021 dương lịch (nhằm ngày 02/10/2021 âm lịch). Tại giấy nợ chỉ có ông Lê Văn Đ ký tên và ghi rõ họ tên. Mẫu giấy nợ là do bà T chuẩn bị sẵn, còn nội dung viết tay trong giấy nợ là do ông Đ trực tiếp ghi. Sau khi ông Đ viết xong giấy nợ, bà T đã giao đủ số tiền 1.500.000.000 đồng bằng tiền mặt cho ông Đ trực tiếp nhận.

Sau khi vay tiền, vợ chồng ông Đ, bà M không trả bất kỳ khoản tiền gốc hay lãi nào cho bà T. Bà T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ, bà M không có thiện chí trả nợ. Tuy tại giấy nợ chỉ có ông Đ ký xác nhận, nhưng khoản vay này là khoản nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ, bà M. Bà M biết việc vay tiền, bởi mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, phục vụ hoạt động kinh tế của gia đình.

Nay bà T khởi kiện: Yêu cầu ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huỳnh M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay này.

Ông Lê Văn Đ trình bày: Ông làm nghề đáo hạn ngân hàng. Số tiền đang tranh chấp, ông vay qua ông Dương Văn T1 (không rõ địa chỉ, năm sinh). Ông không có tiền nên hỏi vay ông T1 và được ông T1 đồng ý. Ngày 06/11/2021, ông T1 giao đủ cho ông 1.500.000.000 đồng bằng tiền mặt, ông đã tự điền thông tin vào giấy mượn tiền đáo hạn ngân hàng cùng ngày, bên cho vay ghi tên bà Lê Thị Cẩm T, tại giấy nợ thời hạn vay được xác định từ ngày 06/11/2021 đến ngày 25/11/2021. Vì làm ăn nhiều lần, tin tưởng nhau nên không thu lãi trước, giao đủ tiền gốc. Sau khi nhận tiền, ông đã giao toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông T2 vay (không rõ họ tên, địa chỉ), theo thỏa thuận, ông T2 là người trả lãi cho ông T1 và bà T với mức 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ông chỉ được hưởng hoa hồng 0,5%, tương đương 7.500.000 đồng cho khoản vay này. Khoảng 10 ngày sau, ông nghe tin ông T2 bỏ trốn khỏi địa phương, không còn liên lạc được. Do ông T2 bỏ trốn nên ông không có tiền để trả cho ông T1 và bà T, đến nay chưa trả được cả gốc và lãi của khoản vay ngày 06/11/2021. Anh yêu cầu áp dụng thời hiệu giải quyết vụ án.

Nay ông Đ đồng ý một mình trả cho bà T số tiền 1.500.000.000 đồng, không tính lãi. Số tiền tranh chấp không liên quan vợ là bà M, do khi ông vay tiền thì bà Nguyễn Thị Huỳnh M không biết, bà M ở nhà nội trợ và nuôi hai con nhỏ.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh M trình bày: Khoản tiền tranh chấp bà không biết, không có liên quan nên không đồng ý cùng ông Đ trả nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà T, xác định số tiền tranh chấp là của bà T, do bà T vắng mặt nên ông T1 thay bà T giao tiền cho ông Đ. Hai giấy nợ đề ngày 06/11/2021 và ngày 26/11/2021 là cùng số tiền 1.500.000.000 đồng đang tranh chấp.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ xác định ông Đ đồng ý một mình trả nợ 1.500.000.000 đồng cho bà T; tiền tranh chấp là do ông T1 giao cho ông Đ nhưng giấy nợ đề tên bà T. Hai giấy nợ đề ngày 06/11/2021 và ngày 26/11/2021 là cùng số tiền 1.500.000.000 đồng đang tranh chấp.

Tại Bản án sơ thẩm số 159/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh, đã căn cứ Điều 149, 155, 166, 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37, 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T về tranh chấp đòi tài sản đối với ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huỳnh M đối với số tiền 1.500.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà Lê Thị Cẩm T về việc buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh M liên đới cùng ông Đ trả tiền vay cho bà T.

Ghi nhận bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu tính lãi.

Buộc ông Lê Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Cẩm T số tiền 1.500.000.000 *(một tỷ năm trăm triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/6/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Huỳnh M liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng cho nguyên đơn, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn cho rằng khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, được sử dụng vào hoạt động kinh tế và lợi ích chung của gia đình nên bà M phải cùng chịu trách nhiệm liên đới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Huỳnh M liên đới trả 1.500.000.000 đồng cho bà Lê Thị Cẩm T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Đ trình bày: Không chấp nhận kháng cáo, cho rằng khoản vay do một mình ông Đ xác lập, bà M không biết, không ký nhận và không có nghĩa vụ liên đới, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Khoản vay 1.500.000.000 đồng được xác lập theo các giấy mượn tiền ngày 06/11/2021 và 26/11/2021 đều do ông Lê Văn Đ trực tiếp viết, ký tên và nhận nợ. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M không ký tên, không tham gia giao dịch vay và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà M biết hoặc cùng sử dụng khoản tiền vay vì nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh M liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chỉ buộc ông Lê Văn Đ trả cho bà Lê Thị Cẩm T số tiền 1.500.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T thực hiện đúng theo quy định tại các 271, 272, Điều 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M nhưng bà M đã được triệu tập hợp lệ theo quy định. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Phạm vi xét xử phúc thẩm: Căn cứ nội dung đơn kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm T, cấp phúc thẩm xem xét lại phần bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh bị kháng cáo, theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm T, thấy rằng:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện, ngày 06/11/2021, bà Lê Thị Cẩm T cho ông Lê Văn Đ vay số tiền 1.500.000.000 đồng, các bên lập Giấy mượn tiền đáo hạn ngân hàng. Toàn bộ nội dung viết tay trong giấy vay do ông Lê Văn Đ trực tiếp viết, đồng thời ông Đ là người duy nhất ký và ghi rõ họ tên trên giấy vay. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M không

ký tên, không ghi họ tên, không có bất kỳ xác nhận nào thể hiện việc cùng xác lập giao dịch vay hoặc cam kết liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đến hạn thanh toán theo thỏa thuận, ông Đ không trả được nợ nên ngày 26/11/2021, các bên tiếp tục lập Giấy mượn mới đối với chính khoản tiền 1.500.000.000 đồng nêu trên để thay thế giấy vay trước, việc lập giấy mới không phát sinh việc giao nhận tiền. Cũng như giấy vay ngày 06/11/2021, giấy xác nhận nợ ngày 26/11/2021 chỉ có ông Lê Văn Đ trực tiếp ký tên xác nhận nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn Thị Huỳnh M hoàn toàn không ký tên và không tham gia giao dịch.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn Đ thừa nhận đã trực tiếp nhận đủ số tiền vay 1.500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông sử dụng toàn bộ khoản tiền này để cho người khác vay lại nhằm hưởng tiền hoa hồng. Ông Đ đồng ý một mình thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ này cho bà T và xác định bà M không tham gia giao dịch vay tiền, số tiền nay do ông sử dụng cho nhu cầu cá nhân. Trong khi đó, bà Nguyễn Thị Huỳnh M thống nhất trình bày bà không biết việc ông Đ vay tiền, không ký nhận tiền và không đồng ý cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[2.3] Nguyên đơn cho rằng bà M biết việc vay tiền vì ông Đ dùng khoản tiền vay để đáo hạn ngân hàng, cho vay lại hưởng chênh lệch lãi và số tiền lãi thu được sử dụng cho sinh hoạt gia đình, xét thấy đây là lời trình bày của nguyên đơn. Ngoài các lời khai này, hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà M trực tiếp tham gia giao dịch, biết và đồng ý việc vay tiền hoặc cùng quản lý, sử dụng khoản tiền vay, nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh khoản vay được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc thuộc trường hợp nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại các Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Cẩm T số tiền vay 1.500.000.000 đồng, đồng thời không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh M liên đới trả nợ là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2026/DS-ST ngày 26/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí Toà án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của của bà Lê Thị Cẩm T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013109 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Lê Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2026/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 11 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GĐ, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Hằng